

Số: 2238 /TB-HĐTSDH2026

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO
NGUỒN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO, ĐỘ LỆCH GIỮA CÁC TỔ
HỢP, CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀ NGUYÊN TẮC QUY ĐỔI ĐIỂM TƯƠNG
ĐƯƠNG TRONG XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026

Trường Đại học Lao động - Xã hội thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn nhận hồ sơ xét tuyển), độ lệch giữa các tổ hợp của phương thức xét tuyển 100 và 200, chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 và nguyên tắc quy đổi điểm tương đương giữa các phương thức cụ thể như sau:

I. Chỉ tiêu tuyển sinh ĐHCQ năm 2026.

TT	Tên chương trình, ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	CHỈ TIÊU TUYỂN SINH	
				Hà Nội (DLX)	Cơ sở II Tp. HCM (DLS)
1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01); Toán - Sử - Tiếng Anh (D09); Văn - Địa - Tiếng Anh (D15);	100	50
2	Kinh tế lao động	7310101A	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01); Toán - Sử - Tiếng Anh (D09); Toán - GD KTPL - Tiếng Anh (X25);	55	50
3	Kinh tế số	7310101B	Toán - Sử - Tiếng Anh (D09); Toán - GD KTPL - Tiếng Anh (X25);	60	
4	Tâm lý học	7310401A	Văn - Sử - Địa (C00); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01); Văn - Sử - Tiếng Anh (D14); Văn - Địa - GD KTPL (X74);	82	50
5	Tâm lý học học đường	7310401B	Văn - Sử - Tiếng Anh (D14); Văn - Địa - GD KTPL (X74);	82	
6	Quản trị kinh doanh	7340101A	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01); Toán - Vật lí - GD KTPL (X05); Toán - GD KTPL - Tiếng Anh (X25);	200	70
7	Marketing và truyền thông	7340101B		70	50
8	Logistics và quản trị chuỗi cung ứng	7340101C		50	50
9	Tài chính - Ngân hàng	7340201A	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01); Toán - Văn - Vật lí (C01); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01);	180	70

TT	Tên chương trình, ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	CHỈ TIÊU TUYỂN SINH	
				Hà Nội (DLX)	Cơ sở II Tp. HCM (DLS)
10	Công nghệ tài chính	7340201B	Toán - GD KTPL - Tiếng Anh (X25);	100	
11	Bảo hiểm	7340204A	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01); Toán - Văn - Địa (C04); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01); Toán - GD KTPL - Tiếng Anh (X25);	50	
12	Tài chính và quản trị rủi ro	7340204B		50	
13	Đầu tư tài chính	7340204C		50	
14	Bảo hiểm - Tài chính	7340207	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01); Toán - Địa - GD KTPL (X21); Toán - GD KTPL - Tiếng Anh (X25);	50	50
15	Kế toán	7340301A	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01); Toán - Văn - Sử (C03); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01); Toán - GD KTPL - Tiếng Anh (X25);	300	100
16	Phân tích dữ liệu trong kế toán	7340301B		120	
17	Kế toán quản trị định hướng CMA	7340301C		50	
18	Kiểm toán	7340302	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01); Toán - Vật lí - GD KTPL (X05); Toán - GD KTPL - Tiếng Anh (X25);	70	50
19	Quản trị nhân lực	7340404A	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01); Toán - Sử - Tiếng Anh (D09); Toán - GD KTPL - Tiếng Anh (X25);	296	150
20	Quản trị nhân lực số	7340404B		150	
21	Quản trị nhân lực và văn phòng	7340404C		70	
22	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01); Toán - Hóa - Tiếng Anh (D07); Toán - GD KTPL - Tiếng Anh (X25);	60	60
23	Luật kinh tế	7380107	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01); Toán - Văn - GD KTPL (X01); Toán - GD KTPL - Tiếng Anh (X25);	100	100

TT	Tên chương trình, ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	CHỈ TIÊU TUYỂN SINH	
				Hà Nội (DLX)	Cơ sở II Tp. HCM (DLS)
24	Công nghệ thông tin	7480201	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01); Toán - Vật lí - Tin học (X06); Toán - GD KTPL - Tiếng Anh (X25);	120	
25	Công tác xã hội	7760101A	Văn - Sử - Địa (C00); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01);	65	100
26	Dịch vụ chăm sóc xã hội với người cao tuổi	7760101B	Văn - Sử - Tiếng Anh (D14); Văn - Sử - GD KTPL (X70);	60	
27	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	7810103A	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01); Toán - Văn - Tiếng Anh (D01);	60	
28	Quản trị khách sạn	7810103B	Toán - Sử - GD KTPL (X17); Toán - GD KTPL - Tiếng Anh (X25);	50	
TỔNG CHỈ TIÊU				2750	1000

II. Ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng phương thức xét tuyển năm 2026

1. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Mã 100)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng áp dụng cho tất cả các mã xét tuyển trừ mã xét tuyển 7220201 (Ngôn ngữ Anh) và 7380107 (Luật kinh tế): Tổng điểm thi theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 15.00 điểm trở lên (NĐBCL ≥ 15.00) và không có điểm môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1.00 điểm trở xuống.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng áp dụng cho mã xét tuyển 7220201: Tổng điểm thi theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 15.00 điểm trở lên (NĐBCL ≥ 15.00), điểm môn tiếng Anh đạt từ 5.00 điểm trở lên (điểm tiếng Anh ≥ 5.00) và không có điểm môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1.00 điểm trở xuống.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng áp dụng cho mã xét tuyển 7380107:

+ Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với lĩnh vực Pháp luật theo quy định và thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo áp dụng cho tuyển sinh đại học năm 2026.

+ Học lực năm học lớp 12 đạt loại “Giỏi”

+ Đối với tổ hợp xét tuyển A01 và X25: Điểm thi môn Toán đạt từ 6.00 trở lên (điểm thi Toán ≥ 6.00).

+ Đối với tổ hợp xét tuyển D01 và X01: Tổng điểm thi môn Toán và môn Văn đạt từ 12 điểm trở lên (điểm thi Toán + điểm thi Văn ≥ 12.00)

+ Không có điểm môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1.00 điểm trở xuống.

2. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (Mã 200)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng áp dụng cho tất cả các mã xét tuyển trừ mã xét tuyển 7220201 và 7380107:

+ Tổng điểm trung bình cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18.00 điểm trở lên (NĐBCL ≥ 18.00)

+ Đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026: Tổng điểm thi tốt nghiệp theo tổ hợp xét đạt từ 15.00 điểm trở lên hoặc tổng điểm Toán + điểm Văn + điểm một trong hai môn còn lại đạt từ 15.00 điểm trở lên

Ngưỡng đảm bảo chất lượng áp dụng cho mã xét tuyển 7220201:

+ Tổng điểm trung bình cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18,00 điểm trở lên (NĐBCL $\geq 18,00$)

+ Điểm môn tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 7.00 điểm trở lên

+ Đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026: Tổng điểm thi tốt nghiệp theo tổ hợp xét đạt từ 15.00 điểm trở lên hoặc tổng điểm Toán + điểm Văn + điểm một trong hai môn còn lại đạt từ 15.00 điểm trở lên

Ngưỡng đảm bảo chất lượng áp dụng cho mã xét tuyển 7380107:

+ Tổng điểm tổng điểm trung bình cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 20.00 điểm trở lên (NĐBCL ≥ 20.00).

+ Đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026: Tổng điểm thi tốt nghiệp theo tổ hợp xét đạt từ 18.00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT đạt từ 8.5 trở lên.

+ Học lực năm học lớp 12 đạt loại “Giỏi”.

+ Đối với tổ xét tuyển A01 và X25: Điểm môn Toán trong tổ hợp xét đạt từ 6.00 trở lên (điểm Toán trong tổ hợp xét ≥ 6.00).

+ Đối với tổ hợp xét tuyển D01 và X01: Tổng điểm môn Toán và môn Văn trong tổ hợp xét đạt từ 12.00 điểm trở lên (điểm thi toán + điểm thi Văn ≥ 12.00).

3. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả đánh giá năng lực/tư duy (Mã 402)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng áp dụng cho tất cả các mã xét tuyển:

+ Đối với thí sinh có điểm đánh giá năng lực 2026 của Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA): Điểm HSA đạt từ 50 điểm trở lên

+ Đối với thí sinh có điểm đánh giá tư duy 2026 của Đại học Bách khoa Hà Nội (TSA): Điểm TSA đạt từ 33.42 điểm trở lên

+ Đối với thí sinh có điểm đánh giá năng lực Đại học Quốc gia TP. HCM (V-ACT): Điểm V-ACT đạt từ 513 điểm trở lên

+ Đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026: Tổng điểm thi tốt nghiệp theo tổ hợp xét đạt từ 15.00 điểm trở lên hoặc tổng điểm Toán + điểm Văn + điểm một trong hai môn còn lại đạt từ 15.00 điểm trở lên

Riêng đối với mã xét tuyển 7220201: Thí sinh phải có điểm trung bình cộng của môn tiếng Anh cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 đạt từ 7.00 trở lên hoặc điểm thi của môn thi tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đạt từ 5.00 điểm trở lên.

Riêng đối với mã xét tuyển 7380107:

+ Đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026: Tổng điểm thi tốt nghiệp theo tổ hợp xét đạt từ 18.00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT đạt từ 8.5 trở lên

+ Học lực năm học lớp 12 đạt loại “Giỏi”.

+ Điểm trung bình cộng cả năm của môn TOÁN lớp 10, lớp 11 và lớp 12 đạt từ 6.00 trở lên.

III. Độ chênh lệch giữa các tổ hợp trong phương thức xét tuyển 100 và 200

Trường Đại học Lao động - Xã hội sử dụng 18 tổ hợp xét tuyển gồm: A01, C00, C01, C03, C04, D01, D07, D09, D14, D15, X01, X05, X06, X17, X21, X25, X70 và X74. Các tổ hợp này được áp dụng thống nhất đối với phương thức xét tuyển 100 (xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT) và phương thức xét tuyển 200 (xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT). Trong đó, tổ hợp D01 được lựa chọn là tổ hợp gốc và không có độ chênh lệch so với các tổ hợp còn lại.

IV. Bảng quy đổi điểm tương đương giữa các phương thức

Khoảng điểm	Xét điểm thi tốt nghiệp THPT - PTXT 100 (PT gốc)	Xét kết quả học tập bậc THPT - PTXT 200	Xét đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia Hà Nội PTXT 402 HSA	Xét đánh giá tư duy của ĐH Bách khoa Hà Nội - PTXT 402 TSA	Xét đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia TP HCM PTXT 402 V-ACT
Khoảng 1	25,00 - 30,00	26,00 - 30,00	105 - 150	60,04 - 100,00	990 - 1200
Khoảng 2	23,00 - 25,00	24,50 - 26,00	91 - 105	56,48 - 60,04	905 - 990
Khoảng 3	21,00 - 23,00	23,00 - 24,50	79 - 91	50,32 - 56,48	808 - 905
Khoảng 4	19,00 - 21,00	21,50 - 23,00	68 - 79	44,68 - 50,32	715 - 808
Khoảng 5	18,00 - 19,00	20,00 - 21,50	63 - 68	42,45 - 44,68	664 - 715
Khoảng 6	15,00 - 18,00	18,00 - 20,00	50 - 63	33,42 - 42,45	513 - 664

Công thức nội suy để quy đổi tương đương các mức điểm chuẩn giữa các phương thức:

$$y = a + \left(\frac{x - c}{d - c} \right) \times (b - a)$$

Trong đó:

y: là điểm quy đổi từ phương thức cần quy đổi sang phương thức gốc.

x: là điểm xét của phương thức cần quy đổi

a: là điểm bắt đầu của khoảng điểm theo phương thức gốc.

b: là điểm kết thúc của khoảng điểm theo phương thức gốc.

c: là điểm bắt đầu của khoảng điểm phương thức cần quy đổi.

d: là điểm kết thúc của khoảng điểm phương thức cần quy đổi.

V. Thời gian đăng ký nguyện vọng và công bố điểm trúng tuyển

- Thời gian từ ngày 02/7/2026 đến 17h00 ngày 14/7/2026 thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển (không giới hạn số lần) trong thời gian quy định (hình thức trực tuyến trên hệ thống: thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. Tên đăng nhập: số CMND/CCCD/mã định danh; mật khẩu để đăng

nhập hệ thống của thí sinh là mật khẩu được cấp khi đăng ký dự thi. Thí sinh bấm nút “Đăng nhập” để vào hệ thống.

- Từ ngày 15/7/2026 đến 17h00 ngày 21/7/2026: **Thí sinh phải xác nhận số lượng, thứ tự nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống** đồng thời nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng xét tuyển bằng hình thức trực tuyến.

- Thời gian công bố điểm trúng tuyển: Trước 17h00 ngày 13/8/2026.

Để biết thêm thông tin chi tiết và tư vấn tuyển sinh, xin liên hệ và gọi điện theo địa chỉ dưới hoặc cổng thông tin điện tử của Nhà trường (tuyensinh.ulsu.edu.vn hoặc ulsu.edu.vn hoặc ldxh.ulsu.edu.vn).

- Đối với Trụ sở chính (DLX): *Số 43 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội. Số điện thoại: 0243.5566175; 0243.5568795; 0243.66867405; 0243.6686706.*

- Đối với Cơ sở II (DLS) thành phố Hồ Chí Minh: *Số 1018 Tô Ký, phường Trung Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh. Số điện thoại 0283.8837801.*

Trân trọng thông báo./.



Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
 - HĐTS, BTK
 - GD CSII
 - Các đơn vị
- } (để biết);
- Website Trường (để đ/tin);
 - Lưu: VT, P.QLĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC

CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG
TS. Phạm Ngọc Thành

